

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/KDTM-PT

Ngày 07 tháng 8 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển  
nhượng vốn góp*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Ngọc Huynh

**Các Thẩm phán:** Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Bà Huỳnh Thanh Duyên

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 355/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2020, giữa:

**- Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L;

Địa chỉ: Lô 1C, đường tỉnh 832, khu công nghiệp N, xã Nh, huyện B, tỉnh Long An.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông L.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Bà Ngô Thị Kim Tr, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Phòng 2002, Tòa nhà C, đường Ng, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:**

2

1. Ông Trần Ngọc L1, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Số 33 Đường 24, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm 3, phường Q, thành phố Th, tỉnh Thanh Hoá.

***Người đại diện theo ủy quyền của bà Th:*** Ông Trần Ngọc L1, sinh năm 1960 (có mặt);

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L1:*** Ông Nguyễn Thanh L.

Địa chỉ: Số 1004/3, đường Ng, phường Ph Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

3. Bà Phạm Thị Thanh V, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: 216, lô H, chung cư T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V:*** Luật sư Võ Thanh T (có mặt);

Địa chỉ: 20 đường 8C2, phường H, quận C, Thành phố Cần Thơ.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy sản H

Địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện Đ, tỉnh Bến Tre

***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Trần Ngọc L1 - Giám đốc (có mặt).

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy sản H:*** Ông Nguyễn Thanh L (có mặt).

**- Người kháng cáo:** Bà Phạm Thị Thanh V, ông Trần Ngọc L1, Công ty TNHH MTV L và Công ty TNHH Thủy sản H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L do ông Phạm Anh V1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 28/9/2016, công ty TNHH MTV L (công ty L) và các thành viên công ty TNHH Thủy sản H (công ty H) gồm: ông Trần Ngọc L1, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh V có ký kết hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp. Theo nội dung của hợp đồng thì các thành viên của công ty H chuyển nhượng toàn bộ 100% phần vốn góp của mình tại công ty H cho công ty L với tổng số tiền là 13.000.000.000 đồng và các bên thoả thuận một số điều khoản quan trọng của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng công ty L đã đặt cọc số tiền 1.500.000.000 đồng vào ngày 29/9/2016 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã

cam kết. Tương ứng với nghĩa vụ của công ty L thì công ty H phải có trách nhiệm thực hiện:

- Trả các khoản vay nợ đến ngày 12/10/2016, cụ thể: khoản nợ 2.145.000.000 đồng theo khế ước số 330-04/16/VAB/HDHM-DN, L2 và khoản nợ 1.000.000.000 đồng theo khế ước số 330-04/16/VAB/HDHM-DN, L3 tại Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Sài Gòn.

- Cung cấp toàn bộ chứng từ kế toán, hồ sơ pháp lý của công ty H và hợp đồng gia công với bên thứ ba. Đồng thời sau khi có kết quả kiểm toán, công ty H phải cho công ty L được toàn quyền kiểm tra hồ sơ chứng từ kế toán, hồ sơ pháp lý và nhận toàn bộ tài sản của công ty H.

Ngày 10/11/2016 khi có kết quả kiểm toán công ty L đã nhiều lần yêu cầu công ty H và các thành viên góp vốn chuyển giao các chứng từ để kiểm tra đối chiếu. Tuy nhiên công ty H và các thành viên đã không bàn giao chứng từ kế toán, hồ sơ pháp lý cho L. Ngày 28/11/2016 công ty L tiếp tục gửi công văn số 17/LH đề nghị công ty H thực nghĩa vụ cung cấp sổ sách kế toán và chuyển giao tài sản theo đúng thỏa thuận đã ký kết nhưng công ty H vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Ngày 01/12/2016 công ty L tiếp tục gửi công văn số 21/LH yêu cầu công ty H tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng công ty H không thực hiện hợp đồng. Ngày 06/12/2016 công ty H gửi công văn số 16/CV/2016 yêu cầu chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng. Ngày 15/12/2016 công ty L gửi công văn đề nghị công ty H và các thành viên tiếp tục thực hiện hợp đồng trên tinh thần thiện chí, hợp tác tránh xảy ra thiệt hại cho các bên. Tuy nhiên, công ty H nhiều lần không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng công ty L luôn thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết. Tuy nhiên, công ty H và các thành viên góp vốn không có thiện chí trong việc thực hiện hợp đồng, không chuyển giao các chứng từ kế toán, hồ sơ pháp lý cũng như tài sản mặc dù công ty L đã nhiều lần yêu cầu.

Nay công ty L yêu cầu:

- + Yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 28/9/2016 giữa công ty TNHH MTV L với các thành viên công ty TNHH Thủy Sản H gồm ông Trần Ngọc L1, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh V.

- + Yêu cầu bồi thường tiền gồm các khoản:

Yêu cầu các thành viên công ty H gồm ông Trần Ngọc L1, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh V có nghĩa vụ liên đới hoàn trả và bồi thường cho công ty L:

- Bồi thường tiền đặt cọc: 1.500.000.000 đồng
- Bồi thường tiền phạt cọc: 1.500.000.000 đồng
- Phạt hợp đồng 8% giá trị hợp đồng với số tiền: 1.040.000.000 đồng.

- Yêu cầu công ty H hoàn lại 4 khoản tiền mà công ty L đã nộp tiền điện thay cho công ty H là 6.984.300 đồng.

- Yêu cầu ông Trần Ngọc L1 có nghĩa vụ hoàn trả công ty L số tiền 50.000.000 đồng mà công ty đã ứng trước cho ông L1 để làm thủ tục chuyển nhượng vốn góp.

Tổng số tiền mà công ty L yêu cầu là 4.096.984.300 đồng. Có sự thay đổi trong yêu cầu là do công ty L tách các khoản tiền ra cụ thể không gộp chung như ghi trong đơn khởi kiện.

#### **Bị đơn - ông Trần Ngọc L1 trình bày:**

Ngày 28/9/2016 các thành viên công ty H có ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp cho công ty L. Theo thỏa thuận hợp đồng thì trong vòng 24 giờ kể từ khi ký kết hợp đồng công ty L phải chuyển tiền đặt cọc cho công ty H số tiền 1.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, chiều ngày 29/9/2016 công ty L chỉ chuyển cho công ty H số tiền 500.000.000 đồng là không đúng thỏa thuận, ngoài ra công ty L còn yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản của công ty H và đuổi nhân viên của công ty H là không phù hợp với thỏa thuận của hợp đồng. Công ty H vẫn có thiện chí tiếp tục thực hiện hợp đồng. Theo Điều 3 của hợp đồng thì công ty L phải ký quỹ tại Ngân hàng A khi công ty H hoàn thiện hồ sơ gồm: Có kết quả kiểm toán, thông báo chấp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre để công ty L được mua phần vốn góp của công ty H, hoàn thiện hồ sơ thay đổi giấy phép kinh doanh. Ngày 07/11/2016 công ty H đã hoàn thành các điều kiện trên nhưng công ty L đã không chuyển tiền vào tài khoản của Ngân hàng A theo thỏa thuận. Ngày 28/11/2016 công ty H đã thanh toán khoản nợ 3.145.000.000 đồng theo thỏa thuận nhưng công ty L đã không chuyển tiền vào tài khoản của Ngân hàng A mà còn yêu cầu H chuyển giao toàn bộ máy móc, thiết bị và hồ sơ chứng từ. Công ty L đã vi phạm hợp đồng về không tạm ứng 1.500.000.000 đồng, không ký quỹ vào Ngân hàng A số tiền 9.400.000.000 đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 06/12/2016 công ty H đã gửi công văn số 16/CV/2016 yêu cầu chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng với công ty L.

Qua yêu cầu của công ty L thì công ty H đồng ý chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 28/9/2016 giữa công ty TNHH MTV L với các thành viên công ty TNHH Thủy Sản H gồm ông Trần Ngọc L1, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh V. Đồng ý hoàn lại khoản tiền mà công ty L đã ứng trước cho công ty H để làm thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp là 50.000.000 đồng và số tiền điện mà công ty L đã trả thay cho công ty H là 6.984.300 đồng. Đối với yêu cầu Bồi thường tiền đặt cọc: 1.500.000.000 đồng, Bồi thường tiền phạt cọc: 1.500.000.000 đồng, Phạt hợp đồng 8% giá trị hợp đồng với số tiền: 1.040.000.000 đồng thì công ty H không đồng ý.

#### **Bị đơn - bà Phạm Thị Th trình bày:**

Ngày 21/6/2017 bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, do mọi việc làm liên quan đến công ty H bà đã chuyển giao

toàn bộ lại cho ông Trần Ngọc L1 nên nay bà không có ý kiến gì. Do điều kiện đi lại khó khăn và sức khỏe yếu bà xin Tòa xét xử vắng mặt.

**Bị đơn - bà Phạm Thị Thanh V trình bày:**

bà V có biết việc tranh chấp, nhưng không được tham gia tố tụng nên không nắm rõ nội dung tranh chấp.

**Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định:**

*Áp dụng khoản 3 Điều 30, điểm b, khoản 1, Điều 35, Điều 37, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 351, Điều 360 Bộ luật Dân sự; Điều 301 Luật Thương mại; Điều 47, Điều 52, Điều 53 Luật Doanh nghiệp; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH MTV L đối với công ty TNHH Thủy sản H và các thành viên công ty TNHH Thủy sản H gồm ông Trần Ngọc L1, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh V về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp.*

*Hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 28/9/2016 giữa công ty TNHH MTV L đối với các thành viên công ty TNHH Thủy sản H gồm ông Trần Ngọc L1, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh V.*

*Buộc ông Trần Ngọc L1, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh V phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả và bồi thường cho công ty TNHH MTV L số tiền là 3.000.000.000 đồng trong đó hoàn trả tiền đặt cọc là 1.500.000.000 đồng, phạt cọc là 1.500.000.000 đồng.*

*Buộc Công ty TNHH Thủy sản H do ông Trần Ngọc L1 là đại diện theo pháp luật phải có nghĩa vụ hoàn trả cho công ty TNHH MTV L số tiền 6.984.300 đồng tiền điện mà công ty TNHH MTV L đã trả thay công ty TNHH Thủy sản H.*

*Buộc ông Trần Ngọc L1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty TNHH MTV L số tiền 50.000.000 đồng mà công ty TNHH MTV L đã tạm ứng trước cho ông L1 để làm thủ tục chuyển nhượng vốn góp.*

*Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH MTV L đối với các thành viên công ty TNHH Thủy sản H gồm ông Trần Ngọc L1, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Thanh V đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 1.040.000.000 đồng.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 30/9/2017, nguyên đơn Công ty TNHH MTV L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải chịu tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền 1.040.000.000đ cho nguyên đơn và giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm

Ngày 9/10/2017, ông Trần Ngọc L1 và Công ty TNHH H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu bồi thường tiền cọc và phạt cọc đối với nguyên đơn.

Ngày 02/10/2017, bị đơn bà Phạm Thị Thanh V kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về thủ tố tụng và nội dung trong quá trình xét xử sơ thẩm.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH MTV L trình bày:**

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên có sự nhầm lẫn đối với vấn đề phạt vi phạm hợp đồng nên đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm phần này cho đúng và giữ nguyên các nội dung khác. Các đương sự cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là không đúng. Các bị đơn đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, tài sản thế chấp dựa trên hợp đồng vay đã dự liệu tiến trình thanh toán nên không cần thiết đưa Ngân hàng A vào tham gia tố tụng.

**Ông Trần Ngọc L1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L1 trình bày:**

Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Công ty TNHH Thủy sản H thực hiện nghiêm túc hợp đồng. Công ty L chỉ chuyển 500.000.000đ vào tài khoản của ông L1 nhưng việc chuyển tiền này không đúng thỏa thuận đặt cọc trong hợp đồng nên ông L1 không thừa nhận đây là tiền cọc. Số tiền 1.000.000.000 đồng mà Công ty L chuyển vào tài khoản của ông L1 và ông L không phải là tiền để Công ty TNHH MTV L đặt cọc mà đây là tiền ký quỹ với Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định số tiền 1.000.000.000 đồng xem như tiền đặt cọc là không có cơ sở pháp lý, yêu cầu cấp sơ thẩm xem xét lại. Đối với số tiền 50.000.000 đồng là tiền Công ty TNHH MTV L chi ra để làm thủ tục chuyển nhượng vốn góp cho nhanh trong thời gian từ 01 tháng đến 1,5 tháng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng là thiếu sót, bà V cũng không biết việc thụ lý vụ án.

**Bà Phạm Thị Thanh V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V trình bày:**

Giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì theo hợp đồng thì các bên giao hết tài sản của Công ty nhưng thực tế tài sản đã thế chấp để vay ngân hàng nên hợp đồng không thực hiện được. Việc trả cọc cũng

không thực hiện được vì tài sản bị phong tỏa. Ngân hàng A cũng có văn bản thể hiện tài sản đang thế chấp tại ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng là bỏ sót tư cách đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm đưa Công ty TNHH Thủy sản H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng lại nhận định với vai trò bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Bà V cũng không biết việc Tòa án thụ lý vụ án, không được mời tham gia tố tụng nên không bảo vệ được quyền lợi của mình. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (nguyên đơn không yêu cầu trả tiền điện).

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chưa có cơ sở xác định nguyên đơn Công ty TNHH MTV L chuyển 1.000.000.000 đồng cho bị đơn. Mặt khác, tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP A mà Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng TMCP A vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng theo quy định tại Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hoặc đã có văn bản ủy quyền cho người khác có mặt tham gia phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Ngày 28/9/2016, các thành viên góp vốn của Công ty TNHH Thủy sản H lập hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp cho bên nhận chuyển nhượng là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L như sau: Ông Trần Ngọc L1 chuyển nhượng giá trị góp vốn 39.250.000.000 đồng; Bà Phạm Thị Th chuyển nhượng giá trị góp vốn 5.250.000.000 đồng; Bà Phạm Thị Thanh V chuyển nhượng giá trị góp vốn 4.500.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì phát sinh tranh chấp. Do đó, Công ty TNHH MTV L khởi kiện ra Tòa án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng góp vốn đối với bị đơn là ông L1, bà Th, bà V.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có những thiếu sót như sau:

[3.1] Chưa tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo giao nộp công khai chứng cứ; Thông báo hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy

triệu tập đương sự tham gia phiên tòa đối với bà Phạm Thị Th và bà Phạm Thị Thanh V. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm thì bà Th và bà V cũng không được tham gia các buổi công khai chứng cứ, hoà giải... Do đó, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của 02 đương sự này.

[3.2] Tài sản Công ty TNHH Thủy sản H liên quan đến việc chuyển nhượng vốn đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP A - chi nhánh Sài Gòn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng TMCP A vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Việc này dẫn đến không thể xác định khoản nợ nêu trên như thế nào và từ khoản nợ này thì các thành viên của Công ty TNHH Thủy sản H có bị hạn chế quyền chuyển nhượng vốn góp hay không.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc vi phạm này ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh V, ông Trần Ngọc L1, Công ty TNHH MTV L và Công ty TNHH Thủy sản H không phải chịu. Hoàn trả lại cho các đương sự kháng cáo số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh V, ông Trần Ngọc L1, Công ty TNHH MTV L và Công ty TNHH Thủy sản H.

2. Hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 02/2017/KDTM-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh V, ông Trần Ngọc L1, Công ty TNHH MTV L và Công ty TNHH Thủy sản H không phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Thanh V, ông Trần Ngọc L1, Công ty TNHH MTV L và Công ty TNHH Thủy sản H, mỗi đương sự 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 0006850 ngày 30/7/2019 (bà Phạm Thị Thanh V), Biên lai thu số 0002721 ngày 03/10/2017 (Công ty TNHH MTV L), Biên lai thu số 0002730 ngày 9/10/2017 (ông Trần Ngọc L1), Biên lai thu số 0002734 ngày 11/10/2017 (Công ty TNHH Thủy sản H) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Nguyên đơn (1);
- Bị đơn (3);
- NLQ (1);
- Lưu VP (6), HS (2), 18b (NTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Huynh**

